

Bản án số: 222/2020/HN&GD-ST

Ngày 22/12/2020.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Phú

Ông Trịnh Quang Xuân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H sinh năm 1980

HKTT: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, bản tự khai ngày 19/10/2020 của nguyên đơn chị Bùi Thị H thể hiện như sau:

*Về hôn nhân:* Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 24/12/2010. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con, mặc dù chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

*Về con:* Chị và anh Tuấn có 01 con chung là Hoàng Thu P, sinh ngày 06/11/2011. Nguyên vọng của chị H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Hoàng Thu P và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

*Về tài sản và công nợ:* Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu của chị H, Toà án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T và sự có mặt của anh T tại nơi cư trú.

Toà án đã tiến hành lấy lời khai của bà Phạm Thị V ( mẹ đẻ anh T) cho biết: Anh Hoàng Văn T và chị Bùi Thị H đến với nhau do hai bên tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục truyền thống được sự đồng ý của hai bên gia đình và được UBND xã H cấp đăng ký kết hôn năm 2010. Theo bà anh T có tính chơi bời lo đề nên chị H khuyên nhủ nhiều lần không được nên đã bỏ ra ở riêng, anh T chị H đã sống ly thân được khoảng 2 đến 3 năm nay không ai quan tâm đến nhau. Trước khi chị H làm đơn ly hôn gửi đến Toà án chị H có điện báo với anh T và gia đình tôi biết, anh T và gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, nhưng hiện nay anh T đang làm ở Hà Nội không rõ địa chỉ nên không cung cấp cho Toà án được. Anh T đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt và bà sẽ có trách nhiệm nhận và thông báo cho anh T được biết các văn bản tố tụng của Toà án đã giao cho bà.

Biên bản xác minh ngày 23/10/2020 tại thôn P và UBND xã H:

Anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện L. Trong thời gian chị H làm đơn ly hôn anh T đang có mặt tại địa phương. Toà án gửi thông báo thụ lý vụ án anh T đã nhận được nhưng do bận công việc nên không về được, hiện nay anh T đã đi làm ở Hà Nội và có điện về cho gia đình là không về để giải quyết việc ly hôn với chị H được nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, còn địa chỉ cụ thể anh T ở đâu gia đình và địa phương không biết.

Toà án đã tham khảo ý kiến của gia đình và địa phương về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh T và chị H là do anh T chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị H và anh T có 01 con chung là Hoàng Thu P, sinh ngày 06/11/2011 hiện nay đang ở với chị H.

Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân theo đúng quy định của pháp luật. Anh T biết việc chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh nhưng anh cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về con: Giao cháu Hoàng Thu P, sinh ngày 06/11/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh T có quyền qua lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị H khởi kiện ly hôn anh Hoàng Văn T có nơi cư trú tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hoá. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã H, huyện L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày ngày 24/12/2010, như vậy hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh T: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị được ly hôn.

Sau khi anh T nhận thông báo thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập anh T đến để tiến hành hòa giải nhưng anh T không có mặt mà không có lý do. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân anh T theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác làm việc do đó cũng không thể hiện ý chí nguyện vọng của anh T như thế nào, nhưng anh T đã biết nội dung về việc chị H làm đơn ly hôn đối với anh, như vậy cũng có thể xác định anh T cũng không quan tâm đến cuộc hôn nhân này của mình, bỏ mặc không có mong muốn để vợ chồng trở về đoàn tụ thông qua công tác hòa giải tại Tòa án. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, hai bên không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân hiện nay, chị H nay có nguyện vọng ly hôn. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay và theo biên bản xác định tình trạng hôn nhân với Ủy ban nhân dân xã Hc ngày 23/10/2020.

[3] Về con: Chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn T có 01 con chung là Hoàng Thu P, sinh ngày 06/11/2011. Hiện nay đang ở với chị H và khi giải quyết ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Thu P.

Xét thấy nguyện vọng của chị Bùi Thị H đề nghị về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thu P là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Vì từ khi chị H và anh T sống ly thân đến nay cháu P do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H, giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thu P là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, xét thấy việc yêu cầu cấp dưỡng của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đã triệu tập anh Hoàng Văn T nhiều lần đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Tuấn đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh T, người thân đã cam đoan giao các văn bản của Tòa án cho anh T nhưng anh cố tình không đến Tòa án để làm việc, nên vụ án không tiến hành hoà giải được.

Ngày 26/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa có mặt chị Bùi Thị H nhưng anh Hoàng Văn T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và thông báo đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai vào ngày 22/12/2020. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho người thân là bà Phạm Thị V ( mẹ đẻ) anh T được biết, bà V cam đoan giao trực tiếp cho anh T. Tại phiên tòa anh T vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn anh Hoàng Văn T và chị Bùi Thị H.

[6]. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn, anh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* **Xử:** Vắng mặt chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn T.

\* Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H.

*Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T

*Về con:* Chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn T có một con chung là Hoàng Thu P, sinh ngày 06/11/2011.

Giao cháu Hoàng Thu P cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Nhưng anh T cũng không được lạm dụng quyền thăm nom con để gây ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của chị H.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng ( Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

*Về án phí:* Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008336 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*Về quyền kháng cáo:* Chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- UBND Hưng Lộc;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Cao Thị Nga**